

Số: 03/2022/QĐST-HNGĐ

C, ngày 03 tháng 03 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH K**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1997

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường A, thành phố C, tỉnh K.

2/ Ông Phạm Văn R, sinh năm: 1988

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường A, thành phố C, tỉnh K.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Ngày 23 tháng 02 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố C đã tiến hành phiên hòa giải giữa các đương sự và lập biên bản hòa giải, đoàn tụ không thành; biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự trong biên bản hòa giải, đoàn tụ không thành; biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

[3] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải, đoàn tụ không thành; biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Văn R thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 13 tháng 7 năm 2017 được cấp bởi Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh K).

1.2. Về con chung: Giao cả hai cháu Phạm Ch, sinh ngày: 10/02/2018 và Phạm Tuyết A, sinh ngày: 04/02/2021 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phạm Văn R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con, mỗi tháng 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) kể từ tháng 3 năm 2022 cho đến khi cháu Phạm Ch và cháu Phạm Tuyết A lần lượt đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Văn R đều khai không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Văn R mỗi người phải nộp 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006785 ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Văn R đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh K ;
- VKSND TP C ;
- Chi cục THADS TP C;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh K (Giấy CNKH 28 ngày 13 tháng 7 năm 2017);
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thành Trung**